TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN M** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 66/2021/HNGĐ-ST. Ngày: 28- 9 - 2021. V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ái Mỹ.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lâm Kim Mến.

Ông Lê Trung Hiếu.

- Thư ký phiên toà: Bà Ngô Thị Tiểu Loan – Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Huỳnh – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 173/2021/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2021 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 166/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Tô Thùy D, sinh năm 1985, (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số 120 Ấp H, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn:* Ông Trần Thanh X, sinh năm 1986 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 145 Ấp Minh Duy, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI D VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về ly hôn ngày 28 tháng 5 năm 2021, chứng cứ có trong hồ sơ nguyên đơn bà Tô Thùy D trình bày: Bà Tô Thùy D và ông Trần Thanh X kết hôn vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Sau khi kết hôn bà D và ông X chung sống hạnh phúc được 04 năm. Đến khoảng năm 2013 thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng ý kiến, chung sống không hạnh phúc. Kể từ năm 2013 bà D và ông X không còn sống chung cho đến nay. Bà D nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn. Do đó, bà D yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Thanh X.

- Về con chung: Bà Tô Thùy D và ông Trần Thanh X có một người con chung tên Trần Thị Ngọc H, sinh ngày 11/9/2011. Con chung hiện nay đang sống với bà D. Bà D yêu cầu được quyền nuôi dưỡng con chung đến đủ 18 tuổi. Bà D không yêu cầu ông X cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Trần Thanh X: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho ông Trần Thanh X theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng ông X không liên lạc với Tòa án, không gửi ý kiến bằng văn bản cho Toà án biết đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không đến tham gia phiên toà xét xử sơ thẩm.

Tại bản ghi lời khai ngày 14/7/2021, con chung từ 07 tuổi trở lên Trần Thị Ngọc H trình bày: Nếu cha và mẹ cháu ly hôn thì cháu có nguyện vọng được sống với mẹ.

Tại phiên tòa hôm nay, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, xét xử vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bị đơn ông Trần Thanh X đã được tống đạt các văn bản tố tụng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự, vụ án được đưa ra xét xử đến lần thứ hai nhưng ông X vẫn vắng mặt không có lý do, bà Tô Thùy D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng nêu trên.

- Về nội Dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 238; khoản 4 điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 6 Điều 27; điểm b khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội; Áp dụng khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Tô Thùy D; Về con chung: Giao cho bà Tô Thùy D được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Trần Thị Ngọc H, sinh ngày 11/9/2011 đến đủ 18 tuổi. Ông Trần Thanh X được quyền thăm nom con

chung, không ai được quyền cản trở; Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Tô Thùy D không yêu cầu ông X cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét; Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét; Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét; Về án phí sơ thẩm đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông Trần Thanh X đã được tống đạt các văn bản tố tụng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự, vụ án được đưa ra xét xử đến lần thứ hai nhưng ông X vẫn vắng mặt không có lý do, bà Tô Thùy D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng nêu trên.

Về nội D:

[2] Bà Tô Thùy D và ông Trần Thanh X kết hôn vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng, đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 04/2010 ngày 28/01/2010. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà Tô Thùy D và ông Trần Thanh X là hôn nhân hợp pháp. Khi thụ lý vụ án, Tòa án thông báo cho ông X về việc thụ lý vụ án theo thông báo số 173/TB-TLVA ngày 25/6/2021, nhưng ông X vẫn không liên hệ đến tòa án, không có ý kiến gì đối với yêu cầu ly hôn của bà D. Bà D kiên quyết yêu cầu ly hôn với ông X, vì từ năm 2013 đến nay bà D và ông X không còn chung sống, không còn quan tâm nhau. Xét thấy, bà D và ông X không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng, nếu tiếp tục kéo dài hôn nhân sẽ không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân giữa bà Tô Thùy D và ông Trần Thanh X không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nên Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Tô Thùy D.

[3] Về con chung: Trong thời gian chung sống bà Tô Thùy D và ông Trần Thanh X có 01 người con là Trần Thị Ngọc H, sinh ngày 11/9/2011, hiện nay con chung đang sống với bà D. Khi ly hôn, bà D yêu cầu được quyền nuôi con đến đủ 18 tuổi. Xét thấy, cháu Trần Thị Ngọc H đang sống với bà D và tại biên bản ghi lời khai ngày 14/7/2021 (BL 21) cháu Hân có nguyện vọng được sống với mẹ. Xét nguyện vọng của cháu Hân là chính đáng, phù hợp với quy định của pháp luật, để đảm bảo không làm thay đổi môi trường sống quen thuộc và cuộc sống hiện tại của cháu Hân, nên Hội đồng xét xử thống nhất căn cứ vào khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình 2014, giao cho bà D được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Trần Thị Ngọc H đến đủ 18 tuổi.

Ông Trần Thanh X được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Tô Thùy D không yêu cầu ông Trần Thanh X cấp dưỡng nuôi con, nên không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[6] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí sơ thẩm: Bà Tô Thùy D phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà D đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009701 ngày 18/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M. Như vậy, bà D đã thực hiện xong.

[8] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình thụ lý, xét xử vụ án và ý kiến về việc giải quyết vụ án là có căn cứ Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 238; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Áp dụng khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; khoản 1, 2 Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Tô Thùy D được quyền ly hôn với ông Trần Thanh X.

- Về con chung: Giao cho bà Tô Thùy D được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Trần Thị Ngọc H, sinh ngày 11/9/2011 đến đủ 18 tuổi.

Ông Trần Thanh X được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Tô Thùy Dkhông yêu cầu ông Trần Thanh X cấp dưỡng nuôi con, nên không đặt ra xem xét

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- Về án phí: Bà Tô Thùy D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà D đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009701 ngày 18/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M. Như vậy, bà D đã thực hiện xong.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện M;
- Các đương sự;
- UBND xã H;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục THA dân sự huyện M;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ái Mỹ